

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2021/DS-ST**
Ngày 19-3-2021
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Hiệp;

Ông Trần Công Đăng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh tham gia phiên tòa: Lê Vũ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Dư Văn M, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Ấp 10C, xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Đặng Văn C, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Ấp 8, xã K, huyện U, tỉnh C ..

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thúy A, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Ấp 8, xã K, huyện U, tỉnh C ..

(Ông M có mặt, ông C, bà A vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 8 năm 2020, các lời trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Dư Văn M trình bày:

Do quen biết nên ngày 01/01/2015, Đặng Văn C có vay của ông 05 chỉ vàng 24K, lãi suất thỏa thuận là 1.000.000 đồng/tháng, khi nhận vàng ông C có làm biên nhận cho ông. Từ khi vay đến nay ông C không đóng lãi. Do thời gian đã lâu, ông có đòi nhiều lần nhưng ông C né tránh không trả nợ, do khi vay có mặt của bà A là vợ ông C, vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C cùng vợ trả cho ông 05 chỉ vàng 24K, về lãi suất ông không yêu cầu tính lãi.

- Phát biểu của Kiểm sát viên: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Hội đồng xét xử tại phiên tòa, thư ký, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: do chỉ ông C ký biên nhận, ông Hoàng không tham gia nên Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu của ông M về việc đòi ông C, bà A trả vàng, buộc ông Đặng Văn C và bà Phạm Thúy A trả cho ông Dư Văn M 05 chỉ vàng 24K. Án phí ông C, bà A phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp theo yêu cầu của ông Dư Văn M đối với ông Đặng Văn C và bà Phạm Thúy A được xác định là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông C, bà A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông C, bà A.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào biên nhận có chữ ký của ông Đặng Văn C thể hiện ông Đặng Văn C có nhận của ông M 05 chỉ vàng 24K, ông M xác định ông C chưa trả cho ông số vàng này. Đối với yêu cầu của ông M về việc trả vàng, ông C, bà A không có ý kiến phản đối. Căn cứ vào giấy nhận nợ do ông M cung cấp, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định ông C có nhận của ông M 05 chỉ vàng 24K, ông M xác định ông C chưa trả, ông C không có ý kiến phản đối nên ông M đòi ông C trả vàng là có căn cứ chấp nhận. Đối với và Ái là vợ của ông C và đối với yêu cầu của ông M cũng không có ý kiến phản đối, do nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông C và bà A nên buộc bà A cùng có nghĩa vụ trả nợ cùng với ông C.

Kiểm sát viên đề nghị ông C, bà A trả cho ông M 05 chỉ vàng 24K là có căn cứ và phù hợp theo phân tích trên.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Yêu cầu của ông M được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Ông Đặng Văn C và bà Phạm Thúy A phải chịu là (05 chỉ x 5.190.000 đồng/chỉ vàng 24K) = 25.952.000 đồng x 5%) 1.297.500 đồng.

(Tại thời điểm xét xử, vàng 24K được xác định 5.190.000 đồng/chỉ).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 144, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; **Điều 463, 466** Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của ông Dư Văn M đối với ông Đặng Văn C và bà Phạm Thúy A về việc đòi tài sản.

Buộc ông Đặng Văn C và bà Phạm Thúy A trả cho ông Dư Văn M 05 (Năm) chỉ vàng 24K.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Ông Đặng Văn C và bà Phạm Thúy A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.297.500 đồng (Một triệu, hai trăm chín mươi bảy ngàn, năm trăm) đồng.

Hoàn trả cho ông Dư Văn M tạm ứng án phí đã nộp số tiền 1.450.000 (Một triệu, bốn trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu **số 0005142 ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.**

- Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Huỳnh Việt Hằng